

## CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt)

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Mục tiêu tiết học này không chỉ là nhận biết một số từ ngữ địa phương, mà không kém phần quan trọng là hướng dẫn thái độ đối với việc sử dụng từ ngữ địa phương trong đời sống cũng như nhận xét về cách sử dụng từ ngữ địa phương trong những văn bản phổ biến rộng rãi (như trong văn chương nghệ thuật).

### II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

#### 1. Vai trò của từ ngữ địa phương

Trong các cộng đồng ngôn ngữ lớn và phân bố rộng về mặt địa lí thường có những lớp từ ngữ đặc thù cho từng vùng địa lí hoặc rộng hoặc hẹp. Nước Việt Nam chạy dài theo bờ biển Đông từ Bắc vào Nam, và nhìn chung hình thành ba vùng ngôn ngữ lớn : Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Đó là một hiện thực khách quan.

Từ ngữ địa phương có mặt tích cực mà cũng có mặt tiêu cực. Mặt tích cực lớn nhất của từ ngữ địa phương là bổ sung, làm phong phú thêm từ ngữ toàn dân. Có những đồ vật, loài vật, cây cối,... là đặc sản của một địa phương, tên gọi của những vật như vậy sẽ làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân, như *chôm chôm*, *sầu riêng*,... của miền Nam nước ta. (Ở đây không bàn đến việc tiếng nói của vùng nào là chuẩn đối với cả nước.)

Mặt tiêu cực của tiếng địa phương (kể cả ngữ âm và những từ ngữ trùng lặp) là gây trở ngại phần nào cho việc giao tiếp giữa các vùng, miền khác nhau của một nước.

Do đó, thái độ chung đối với tiếng địa phương là phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của nó, bằng con đường giáo dục ngôn ngữ, nhưng tránh cường bức.

#### 2. Việc sử dụng từ ngữ địa phương

Như đã biết, sự khác biệt về từ ngữ giữa các địa phương là một hiện thực khách quan cần được tôn trọng, nhưng không phải theo thái độ vô can (không

can thiệp, bỏ mặc). Đối với HS lớp cuối THCS cần có sự chuẩn bị cho môi trường giao tiếp rộng lớn hơn, vượt ra ngoài địa bàn quen thuộc của HS.

Trước hết, đó là giúp HS phân biệt đặc điểm riêng của tiếng địa phương của mình so với ngôn ngữ toàn dân, chủ yếu là về mặt ngữ âm và từ ngữ.

Khi HS đã có một vốn hiểu biết về việc này thì tiếp theo là xây dựng thái độ đúng đắn với tiếng địa phương, và tìm hiểu cách sử dụng tiếng địa phương trong giao tiếp vượt ra ngoài địa phương mình. Đây chính là nội dung chủ yếu của tiết học này.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 (SGK) : Tìm từ ngữ địa phương trong các đoạn trích.

Đoạn trích (a)		Đoạn trích (b)		Đoạn trích (c)	
Địa phương	Toàn dân	Địa phương	Toàn dân	Địa phương	Toàn dân
<i>theo</i>	<i>sẹo</i>	<i>ba</i>	<i>bố, cha</i>	<i>ba</i>	<i>bố, cha</i>
<i>lấp bắp</i>	<i>lấp bắp</i>	<i>má</i>	<i>mẹ</i>	<i>lui cui</i>	<i>lúi húi</i>
<i>ba</i>	<i>bố, cha</i>	<i>kêu</i>	<i>gọi</i>	<i>nấp</i>	<i>vung</i>
		<i>đâm</i>	<i>trở thành</i>	<i>nhắm</i>	<i>cho là</i>
		<i>đũa bép</i>	<i>đũa cá</i>	<i>giùm</i>	<i>giúp</i>
		<i>(nói) trống</i>	<i>(nói) trống không</i>	<i>(nói) trống</i>	<i>(nói) trống không</i>
		<i>vô</i>	<i>vào</i>		

**Hoạt động 2.** GV hướng dẫn HS làm bài tập 2 (SGK).

a) *kêu* : từ toàn dân ; có thể thay bằng *nói to*.

b) *kêu* : từ địa phương ; tương đương từ toàn dân *gọi*.

**Hoạt động 3.** GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 (SGK).

Các từ địa phương trong hai câu đó là :

– *trái* : quả

– *chi* : gì

– *kêu* : gọi

– *trống hổng trống hảng* : trống huếch trống hoác

**Hoạt động 4.** GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4 (SGK).

**Hoạt động 5.** GV hướng dẫn HS làm bài tập 5\* (SGK).

Đối với (a) : Không. Vì bé Thu chưa có dịp giao tiếp rộng rãi ở bên ngoài địa phương của mình.

Đối với (b) : Trong lời kể, tác giả cũng dùng một số từ ngữ địa phương để hiểu để nêu sắc thái của vùng đất nơi việc được kể diễn ra. Tuy nhiên tác giả có chủ định không dùng quá nhiều từ ngữ địa phương để khỏi gây khó hiểu cho người đọc không phải là người địa phương đó.